QUAN ĐIỂM MỚI CHO PHÁT TRIỂN XÃ HỘI BỀN VỮNG

LƯƠNG VIỆT HẢI*

Công nghiệp hoá nói riêng và hiện đại hoá xã hội nói chung không chỉ là những quá trình kinh tế-kỹ thuật, mà trước hết đó là những quá trình kinh tế - xã hội phức tạp. Như thực tiễn nhiều quốc gia, khu vực và thế giới đã chỉ ra, việc tiến hành công nghiệp hoá, hiện đại hoá gây nên những tác động kinh tế - xã hội hết sức to lớn đến tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Đồng thời, các lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội cũng lại ảnh hưởng đến tiến trình hiện đại hoá. Một trong những lĩnh vực của đời sống xã hội hiện đang được quan tâm đặc biệt là lĩnh vực sinh thái, môi trường sống của con người. Thực tiễn của suốt mấy chục năm công nghiệp hoá trên đất nước ta và những đòi hỏi mới của công cuộc hiện đại hoá xã hội ngày nay đang đặt ra yêu cầu phải nhìn nhận lại một cách nghiêm túc, nghiên cứu sâu sắc hơn, trên cơ sở phương pháp tiếp cận mới, tư duy mới về mối quan hệ qua lại giữa tiến trình hiện đại hoá xã hội và lĩnh vực sinh thái, môi trường sống của con người trong giai đoạn hiện nay. Chỉ có trên cơ sở những nghiên cứu từ góc độ triết học xã hội như vậy mới có thể tạo dựng được một bức tranh chung, những quan điểm và nguyên tắc giúp giải quyết một cách đúng đắn những vấn đề cụ thể của tiến trình hiện đại hoá xã hội và của lĩnh vực sinh thái, thúc đẩy sự phát triển bền vững vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Việc giải quyết những vấn đề về quan hệ qua lại giữa hiện đại hoá xã hội và lĩnh vực sinh thái ở Việt Nam trong những năm gần đây có nhiều thành tựu và tiến bộ vượt bậc. Tuy nhiên, trong thực tế cũng đang có nhiều bất cập và khiếm khuyết. Nghiên cứu những vấn đề này có thể rút ra những bài học kinh nghiệm quan trọng cho việc thực hiện các chính sách xã hội trong lĩnh vực sinh thái và

* PGS.TSKH. Viện Triết học.

hiện đại hoá xã hội, nâng cao hơn nữa văn hoá sinh thái, đảm bảo phát triển bền vững trong tiến trình hiện đại hoá xã hội, trong việc tham gia giải quyết những vấn đề liên quan ở tầm khu vực và quốc tế.

Trong các công trình đã công bố có một số điểm chung sau đây: hiện đại hoá xã hội tất yếu đụng chạm đến các vấn đề sinh thái, môi trường. Để đảm bảo hiện đại hoá xã hội thành công thì phải phát triển bền vững, tức là phải bảo vệ môi trường, sinh thái. Con người có thể và cần phải tích cực, chủ động giải quyết đúng đắn mối quan hệ qua lại giữa tiến trình hiện đại hoá xã hội và bảo vệ môi trường sống. Mục tiêu kinh tế và mục tiêu sinh thái phải được gắn kết chặt chẽ trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hiện đại hóa xã hội trên mỗi bước phát triển, thì mới có thể có phát triển bền vững.

Cũng có hàng loạt khía cạnh khác liên quan đến vấn đề này do thực tiễn cuộc sống đặt ra, nhưng vẫn chưa được giải quyết. Chẳng hạn, làm thế nào để kết hợp một cách hợp lý, đúng đắn mục tiêu kinh tế và mục tiêu sinh thái ? Bằng cách gì để có thể chặn đứng được những tác động tiêu cực của kinh tế thị trường đến môi trường? Liệu có những biện pháp nào có hiệu quả nhằm nâng cao văn hoá sinh thái cho cộng đồng trong tiến trình hiện đại hoá hay không ? Tiến trình hiện đại hoá xã hội cần phải tuân theo những "hành lang sinh thái" nào để có thể đạt tới các mục tiêu đã định một cách nhanh chóng nhất, với những "tổn thất xã hội" nhỏ nhất, đảm bảo phát triển bền vững và hài hoà? v.v... Trên thế giới, đã có một số tư tưởng lí luận mới ra đời, hoặc đang được giới học giả quan tâm triển khai nghiên cứu, có liên quan đến phát triển bền vững. Nhưng, ở Việt Nam lại chưa thực sự thu hút được sự chú ý của mọi người. Chẳng hạn, đồng tiến hóa, trí tuệ quyển, sinh thái quyển, hiện đại hóa xã hội, tư duy trí tuệ quyển, v.v…

Dưới đây xin trình bày vắn tắt nội dung một số quan điểm khoa học mới trong việc giải quyết quan hệ hiện đại hoá xã hội - sinh thái nhằm đảm bảo phát triển xã hội bền vững.

Trước hết phải nói đến quan điểm đồng tiến hoá (co-evolution)[1]. Quá trình xây dựng các công cụ kỹ thuật, các công nghệ, diễn ra mạnh mẽ bắt đầu từ thời đại Phục hưng cho đến nay là nhằm tạo ra một thế giới nhân tạo hùng mạnh để chinh phục tự nhiên, để sử dụng có hiệu quả hơn những khả năng của tự nhiên, để phát triển toàn diện con người. Nhưng thay cho sự kết hợp hài hoà con người với giới tự nhiên, trên cơ sở sử dụng các phương tiện kỹ thuật hiện đại nhất nền văn minh công nghệ đã tách con người khỏi giới tự nhiên, đối lập nó với giới tự nhiên. Điều tai hại là ở giai đoạn hiện nay, sự phát triển với quy mô chưa từng

[1] Ý tưởng đồng tiến hóa xuất hiện đã từ lâu, nhưng mãi đến gần đây mới được chú ý nhiều và được bổ sung nội dung để trở thành quan điểm khoa học có căn cứ lý luận và thực tiễn phong phú.

thấy của công nghệ đang tạo nên mối đe doạ đối với sự tồn tại của cả tự nhiên lẫn con người. Các chuẩn mực và ý tưởng, đang tác động trong nền văn hoá, đã được hình thành trước đây, ít tạo được khả năng tìm ra những con đường thoát khỏi khủng hoảng. Tất cả những cái đó đang truyền thêm tính chất cấp bách, sống còn cho việc kiên trì và nhất quán tìm kiếm những thang điều chỉnh mới, cho việc tìm kiếm những nguyên tắc nhận thức, những giá trị, những định hướng văn hoá và hoạt động nói chung, cho việc lựa chọn chiến lược sinh tồn và phát triển của nhân loại trong thế kỷ mới.

Có thể nói tất cả các giai đoạn phát triển của nhân loại đều có những lược đồ giải thích về bản thể luận cấu trúc và hoạt động của thế giới, có các mô hình nhận thức khác nhau có khả năng khám phá, đánh giá và nhận thức thế giới như một chỉnh thể. Những cái đó lại tạo nên một hệ nguyên lý, nguyên tắc, định đề, chuẩn mực, giá trị, v.v..., đặc trưng cho mỗi giai đoạn phát triển của nhân loại và chỉ đạo các nguyên tắc, điều chỉnh hoạt động của con người.

Thế kỷ XX đã được sử dụng rộng rãi hàng loạt các mô hình nhận thức, trong số đó có mô hình hệ thống và tự tổ chức. Mô hình hệ thống thể hiện với tính cách là con đường hiện thực hoá cách tiếp cận chỉnh thể đối với thế giới trong nền văn hoá hiện đại khi mà trong khoa học diễn ra sự phân ngành tri thức rất đa dạng và phức tạp. Tự tổ chức với tính cách là mô hình nhận thức phát triển mạnh nhất trong khoa học tự tổ chức. Mô hình này cho phép nhận thức các quá trình phát triển thông qua biến động đa dạng của các tiểu hệ thống. Nó đưa lại khả năng nhìn nhận quá trình xuất hiện sự tự tổ chức nội sinh từ trạng thái vô trật tự và hỗn độn trong các cấu trúc.

Ở ngưỡng cửa của thế kỷ XXI, văn minh nhân loại dường như đang đứng trước ngã ba đường. Các mô hình nhận thức, các định hướng giá trị, các nguyên tắc điều chỉnh hoạt động đã đạt đến giới hạn của chúng. Việc tìm kiếm những nguyên tắc, mô hình, chuẩn mực mới càng thêm cấp thiết do tình thế khủng hoảng sâu sắc của văn hoá, bởi thảm trạng của quan hệ tự nhiên và con người, bởi sự khủng hoảng của các chuẩn mực, ý tưởng và các nguyên tắc điều chỉnh trong khoa học, nghệ thuật, pháp luật và thế giới quan nói chung.

Tuy vậy, những ý tưởng, chuẩn mực, mô hình mới ấy dưới sức ép ngày càng tăng của thời đại chúng ta đang dần bị phân chia, thể hiện và khẳng định. Mô hình đồng tiến hoá hiện đang là một mô hình nhận thức nổi bật thuộc dạng đó. Theo mô hình này, thế giới hiện ra như là một phức hợp các dãy liên kết, phụ thuộc vào nhau, cùng tiến hoá. Quá trình đồng tiến hoá với tư cách là sự phát triển liên kết cùng nhau của các hệ thống với những đòi hỏi tuyển chọn lẫn nhau đã được phát hiện và nghiên cứu từ rất lâu trong sinh học. Nhưng nó chỉ được xem như là quá trình phụ, ngoại vi, chỉ dùng để giải thích các dạng quan hệ cộng sinh khác nhau mà thôi.

Việc nhận ra được tính phổ quát của các quá trình đồng tiến hoá được bắt đầu dường như "từ trên xuống", từ các quan hệ xã hội và tự nhiên, kỹ thuật và tự nhiên. Xuyên suốt toàn bộ lịch sử nhân loại là hai xu hướng quan hệ con người và tự nhiên loại trừ lẫn nhau: chinh phục tự nhiên và hoà hợp với nó. Những bất lợi về sinh thái đang tăng dần hiện nay đã cho thấy rõ giới hạn của cả hai loại xu hướng này và người ta ngày càng thấy rõ rằng không thể chỉ dựa vào yếu tố công nghệ hoặc yếu tố tự nhiên. Phải tính đến sự tác động qua lại hữu cơ của chúng, sự liên hệ, phụ thuộc lẫn nhau, phải nhận thức rõ tính quy luật liên kết của chúng thì mới có thể có được đường hướng mới cho quan hệ con người, xã hội và tự nhiên.

Xu hướng đồng tiến hoá không bị giới hạn bởi tính quy luật cùng tiến hoá trong sự tác động qua lại của tự nhiên và xã hội. Tư tưởng đồng tiến hoá ngày càng trở thành tâm điểm của toàn bộ phương thức tiến hoá của tư duy. Nguyên tắc đồng tiến hoá là nguyên tắc phương pháp luận của các khoa học sinh học có khả năng vận dụng cho các khách thể tư tưởng, cho các lược đồ giải thích, các phương pháp nghiên cứu và nó cũng là nguyên tắc mới của văn hoá, cho phép thấu hiểu quan hệ qua lại của nhân loại với tự nhiên và kỹ thuật.

Xu hướng đồng tiến hoá tạo nên những triển vọng mới cho việc tổ chức tri thức hướng đến việc tìm kiếm các đơn tử phân tích mới và các phương thức nhận thức giới tự nhiên và kỹ thuật, thấu hiểu con đường cùng tiến hoá của tự nhiên, kỹ thuật và con người, của tự nhiên, văn minh và văn hoá. Cách tiếp cận thể hiện xu hướng đồng tiến hoá nhấn mạnh và làm sáng tỏ tính nhiều mặt của các quá trình độc lập, không hoà lẫn nhau, tính mở, tính dung nạp (tolerance), tính chưa hoàn thiện, chưa được giải quyết trước, sự cùng tồn tại và liên quan đến nhau của các quá trình tiến hoá khác nhau, nhưng vẫn có tính độc lập và đồng thời lại kết hợp với nhau thành một thể thống nhất ở trình độ cao hơn.

Tất cả những cái đó đặt cơ sở để giả định rằng, mô hình nhận thức mới đồng tiến hoá, xuất hiện vào cuối thế kỷ XX, sẽ trở thành nguồn sức mạnh của các chương trình nghiên cứu mới, của triết học mới về tự nhiên, triết học mới về kỹ thuật, triết học mới về con người, là cơ sở lý luận cho hiện đại hoá xã hội và phát triển bền vững.

Quan điểm thứ hai là phát triển bền vững và trí tuệ quyển. Đứng trước những vấn đề sinh thái đang đặt ra ngày càng gay gắt các nhà lý luận đã và đang tích cực tìm kiếm những phương án phát triển an toàn sinh thái. Trong số đó có các phương án như: giới hạn sự tăng trưởng (khó được phương Tây chấp nhận và mâu thuẫn với lôgíc phát triển của các nước ngoài phương Tây); phê phán hiện đại hoá đuổi theo; phát triển bền vững; hy vọng vào toàn cầu hoá (một số) và phản đối toàn cầu hoá (số khác).

Hiện nay, quan điểm phát triển bền vững (Substainable development) đang là quan điểm có xu hướng phổ biến hơn cả. Tuy nhiên cần phải có phương pháp luận nghiên cứu các vấn đề phát triển bền vững. Trước hết, chiến lược phát triển bền vững không thể dựa trên những quan niệm và giá trị chung, truyền thống, không thể dựa trên những khuôn mẫu tư duy về mục đích và tiêu chuẩn của hoạt động sống của con người như trước đây và hiện nay. Nó đòi hỏi phải có những cách tiếp cận khoa học mới, phù hợp không chỉ với hiện tại mà cả với triển vọng phát triển trong tương lai.

Các thực thể sống trên hành tinh tự chúng tạo nên môi trường nuôi dưỡng mình và bảo đảm cho tính bền vững của môi trường ấy, cũng như tạo nên những điều kiện tối ưu cho sự tồn tại của chúng. Nghĩa là sự ổn định của sinh quyển được đảm bảo bởi cả cộng đồng tự nhiên của nó. Con người có thể sống trong sự phù hợp với các quy luật hoạt động và tiến hoá của sinh quyển. Sự tồn tại của nền văn minh và bước quá độ sang phát triển bền vững đòi hỏi phải tính đến các quy luật sinh quyển và những giới hạn của nó. Sự sống và con người chỉ như là một dạng được sinh ra bởi sinh quyển của hành tinh chúng ta.

Cách tiếp cận sinh thái - sinh quyển như nói ở trên cần phải được thay thế cho quan niệm của cải - thực dụng hiện nay đang đưa nhân loại đi gần đến thảm hoạ sinh thái. Phải thay thế việc tiêu diệt các hình thức sống khác bằng việc cùng chung sống, giữ gìn nhân loại và các sinh thể tự nhiên, giữ gìn nền văn minh và sinh quyển. Phải xem giới tự nhiên không phải như là một cái thụ động, bên ngoài, chịu sự tác động của con người mà là như một dạng hoạt động tích cực, tạo nên tác động qua lại tự nhiên - xã hội, có giới hạn, thông qua các giới hạn sinh thái. Cách tiếp cận như vậy là cách tiếp cận tự nhiên - xã hội. Nó xem xét con người, xã hội, tự nhiên và hệ thống kinh tế-xã hội như một hệ thống tự nhiên - xã hội hay xã hội - sinh thái. Hơn thế nữa, khi thêm vào đó những định hướng mục tiêu - dự báo nó trở thành cách tiếp cận hệ thống ở trình độ cao hơn, đó là cách tiếp cận trí tuệ quyển - tương lai học.

Phát triển bền vững dựa trên cơ sở cách tiếp cận đó đòi hỏi phải có những biến đổi căn bản trong thế giới quan, trong các cách giải quyết, trong các hướng ưu tiên, các chuẩn mực đạo đức và các loại chuẩn mực khác, cũng như trong các hình thức lý tính khác nhau. Thêm vào đó, những biến đổi đó sẽ phải mang tính chất vừa tự nhiên - xã hội, vừa là toàn cầu với sự tham gia tích cực của các lĩnh vực khoa học tự nhiên "tổng hợp" và các tri thức xã hội - nhân văn được sinh thái hoá.

Việc sử dụng cách tiếp cận trên sẽ đưa đến những kết quả độc đáo. Chẳng hạn, trong kinh tế cách tiếp cận tự nhiên - xã hội sẽ làm cho cuộc thảo luận về tính hiệu quả của cơ chế kế hoạch hoá và cơ chế thị trường, sở hữu tư nhân và xã hội giảm ý nghĩa và giá trị của chúng, hoặc trong tương lai, không phải chủ

yếu là chiến lược sinh thái của nhà nước phụ thuộc vào thiết chế chính trị của nó mà chủ yếu là tình thế sinh thái sẽ thay đổi các thiết chế đó. Nếu như trước đây không tồn tại chức năng quản lý sự phát triển của nền văn minh ở quy mô toàn cầu, thì ngày nay nó phải xuất hiện, và các thiết chế quốc gia - quốc tế - toàn cầu sẽ phải thực hiện các chức năng đó, v.v…

Cũng phải nói thêm rằng thuật ngữ "substainable development" dịch thành phát triển bền vững là không hoàn toàn đúng nghĩa. Đúng ra thì đó là sự phát triển hài hoà với tự nhiên và các quy luật của nó, phát triển mà không có sự phá vỡ (development without destruction), là sự phát triển đáp ứng được các nhu cầu hiện tại nhưng không đe doạ khả năng thoả mãn các nhu cầu của các thế hệ tương lai, là sự phát triển đạt được sự hài hoà giữa mọi người và giữa xã hội với tự nhiên. Thật ra thuật ngữ "phát triển bền vững" là không phản ánh chính xác và đầy đủ nội dung, bởi vì khái niệm "phát triển" là khái niệm đối cực với khái niệm "bền vững" và "ổn định". "Phát triển bền vững" đơn giản là không thể có, còn nếu như có phát triển thì sẽ không có ổn định, không thể không phá vỡ cấu trúc cũ, tái cấu trúc thành cấu trúc mới, cao hơn

Quan điểm thứ ba là đổi mới tư duy để có tư duy mới về sinh thái và phát triển bền vững. Nhân loại đang tiến gần đến một thảm hoạ sinh thái có thể huỷ diệt toàn bộ nền văn minh đã được tạo dựng trong suốt chiều dài lịch sử xã hội loài người. Lao động đã tách con người ra khỏi giới động vật, và chính lao động đã cố kết con người thành cộng đồng và xã hội. Nhưng, hơn thế nữa, lao động theo kiểu cũ đã tách con người và xã hội ra khỏi giới tự nhiên và sinh quyển nói chung, làm cho con người đứng đối lập với sinh quyển, khai thác, chinh phục và thống trị nó trong một chừng mực đáng kể. Cùng với lao động, trí tuệ con người cũng đóng góp một phần to lớn và quan trọng vào quá trình khai thác, chinh phục và thống trị đó. Do từ nửa cuối thế kỷ XX, quá trình nói trên đã diễn ra với quy mô và nhịp độ ngày càng lớn đến mức khiến cho sinh quyển không đủ khả năng và không kịp tự phục hồi lại những gì con người và xã hội đã khai thác và phá huỷ mất của nó. Đó chính là nguyên nhân của nguy cơ về một thảm hoạ sinh thái đang đến gần. Những biểu hiện của nguy cơ thảm họa sinh thái ngày càng hiện rõ. Động đất, sóng thần, hiệu ứng nhà kính, mưa axit, thủng tầng ôzôn, v.v…, gây những hậu quả ngày càng khủng khiếp, năm sau lớn hơn, tai hại hơn, nguy hiểm hơn những năm trước.

Bắt đầu từ những năm bảy mươi của thế kỷ XX những tiếng nói cảnh tỉnh nhân loại về nguy cơ thảm hoạ sinh thái đã bắt đầu vang lên dồn dập và gay gắt với nhịp độ, quy mô ngày càng mạnh mẽ và rộng lớn. Người ta đã bắt đầu nhận thấy không phải chỉ tốc độ phát triển kinh tế - xã hội, mà điều quan trọng hơn, bản thân sự tồn tại của xã hội và loài người, của nền văn minh nhân loại bắt đầu bị sinh thái đe dọa. Những vấn đề sinh thái đang và sẽ ngăn chặn bước tiến hiện

đại hóa xã hội của nhân loại ngày càng quyết liệt hơn. Một số phương án kìm hãm và ngăn chặn nguy cơ thảm hoạ sinh thái với tính cách là những mô hình lý luận - phương pháp luận chung, toàn cầu, để giải quyết mối quan hệ giữa hiện đại hoá xã hội và sinh thái đã được nêu ra: giới hạn sự tăng trưởng hay phát triển kinh tế có giới hạn; trở về với tự nhiên hay sử dụng các công nghệ sản xuất khép kín; tạo dựng trí tuệ quyển hay xây dựng cơ chế hợp tác và chế tài chung ở quy mô toàn cầu; phát triển bền vững hay đồng tiến hoá, v.v.

Tuy nhiên, dù là mô hình nào thì các nhà lý luận trên thế giới đều thống nhất khẳng định rằng những chuẩn mực, những nguyên tắc, những định hướng, những giá trị, mô hình quan hệ của con người trong tiến trình hiện đại hoá xã hội với sinh thái đã được hình thành trong quá khứ và đang được sử dụng trong thời đại ngày nay là không còn phù hợp. Vấn đề không phải chỉ là ở chỗ chúng đã cạn kiệt khả năng vận dụng, như một số tác giả quan niệm, mà hơn thế nữa, là ở chỗ nếu tiếp tục sử dụng chúng thì nguy cơ thảm hoạ sinh thái sẽ càng gần hơn, càng khốc liệt hơn đối với nhân loại.

Vấn đề chủ yếu đặt ra cấp bách hiện nay nhằm loại trừ nguy cơ thảm hoạ sinh thái không phải chỉ là ở việc tạo ra những mô hình lý luận - phương pháp luận như đã và đang diễn ra trong thời gian hơn 3 thập kỷ vừa qua. Theo chúng tôi, vấn đề chủ yếu và then chốt nhất ở đây là phải tạo dựng được một tư duy mới để thay đổi cung cách ứng xử của con người, của xã hội đối với sinh thái trong phát triển kinh tế, hiện đại hoá xã hội. Nếu chưa có tư duy mới thì, về nguyên tắc, cũng chưa thể có các mô hình lý luận - phương pháp luận mới, do vậy, cũng chưa thể có các nguyên tắc, chuẩn mực, định hướng, các giá trị và cách ứng xử mới của con người với sinh thái khác về chất so với các nguyên tắc, chuẩn mực, định hướng và giá trị cũ.

Tư duy mới được nói ở đây đương nhiên sẽ được hình thành trên cơ sở thực tiễn của đời sống xã hội loài người và dựa trên những tiền đề xác định. Những tiền đề đó đã xuất hiện trên quy mô toàn cầu và được thể hiện trên nhiều phương diện và ở những quy mô khác nhau. Đó là những tiền đề về chính trị - xã hội, về khoa học, kỹ thuật và công nghệ, về kinh tế - xã hội, về các phương tiện hạ tầng kinh tế (về quá trình toàn cầu hoá, mạng thông tin, các phương tiện nghe nhìn...). Hội nghị của Liên hợp quốc về môi trường và phát triển vào năm 1992 ở Riô đơ Gianhâyrô, Brazin, với sự tham gia của 179 nước là một biểu hiện cho thấy tính chất cấp bách của vấn đề cũng như điều kiện, khả năng và tiền đề mới cho việc tạo lập một thái độ ứng xử mới với giới tự nhiên, với sinh quyển của con người và cộng đồng quốc tế đã bắt đầu xuất hiện.

Nội dung của tư duy mới sẽ bao gồm nhiều yếu tố khác nhau. Tuy nhiên, hiện nay chưa thể vạch ra một cách đầy đủ nội dung của nó mà mới chỉ có thể là những nét phác thảo tổng quan đầu tiên. Trong nội dung của nó sẽ không chỉ

có các yếu tố hợp lý của các mô hình lý luận - phương pháp luận đang có hiện nay như trí tuệ quyển, phát triển bền vững, đồng tiến hóa, v.v... Tư duy mới sẽ tạo nên những cách tiếp cận mới đối với tất cả các vấn đề của đời sống thực tiễn của cộng đồng quốc tế và giúp cho việc giải quyết các vấn đề ấy thích ứng hơn, phù hợp hơn với thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội và điều kiện sinh thái trong giai đoạn hiện nay. Tổng hợp các ý kiến khác nhau trong các tài liệu đã công bố, tại thời điểm hiện nay có thể vạch ra một số nội dung đại thể của tư duy mới như sau:

- Khi giải quyết mối quan hệ hiện đại hoá xã hội, phát triển kinh tế, văn hoá, khoa học, kỹ thuật và công nghệ thì lợi ích chung của cộng đồng nhân loại là yếu tố cốt lõi, then chốt, hàng đầu. Vấn đề sống còn hay vấn đề tồn tại của cộng đồng được xem là nền tảng của tư duy mới. Lợi ích bộ phận quốc gia, dân tộc, tập đoàn, cá nhân được tính đến như một yếu tố cấu thành và đứng sau hoặc cùng lắm đứng ngang hàng, chứ không đứng trên lợi ích chung, toàn nhân loại. Vị thế ưu trội của lợi ích chung, toàn nhân loại phải luôn luôn được đảm bảo.

- Lợi ích của thế hệ hiện tại được đặt trong tổng thể lợi ích chung với các thế hệ mai sau như một bộ phận đứng hàng đầu, thậm chí đứng trước cả lợi ích hiện tại. Trong sự kết hợp hài hòa lợi ích của các thế hệ hiện tại và tương lai thì phải ưu tiên lợi ích tương lai trong những chừng mực hợp lý. Nguyên tắc công bằng và bình đẳng cần được chú trọng nhiều hơn trong lĩnh vực sinh thái và trong quan hệ giữa hiện đại hóa xã hội và sinh thái.

- Tầm bao quát vấn đề của tư duy mới không thể dừng lại ở mức độ quốc gia, khu vực, càng không thể là ở mức cá nhân, địa phương nhỏ hẹp mà phải là ở tầm toàn cầu, và gắn chặt với các vấn đề toàn cầu của nhân loại. Nó được nẩy sinh trước hết là nhằm đáp ứng nhu cầu giải quyết các vấn đề toàn cầu.

- Tư duy mới nhìn nhận con người và xã hội không phải là chúa tể của tự nhiên, đứng trên tự nhiên, đứng ngoài, thống trị và đối lập với sinh quyển mà chỉ là một bộ phận trong chuỗi chu trình sinh thái của tự nhiên mà thôi. Trong quá trình hiện đại hoá xã hội, ở mỗi thời kỳ xác định hoạt động của con người và của xã hội bị những giới hạn nghiêm ngặt do sinh thái quy định. Con người, xã hội và nền văn minh chỉ có thể vận động trong "hành lang sinh thái" được xác định ở mỗi thời kỳ lịch sử cụ thể. Phá vỡ hành lang đó con người và xã hội sớm hoặc muộn sẽ bị giới tự nhiên "trả thù". Tư duy mới tính đến những quy định đó một cách đầy đủ, toàn diện và bắt buộc.

- Tiến hoá của loài người không chỉ là đồng tiến hoá với sinh thái mà chỉ có thể có được khi có sự tiến hoá của sinh thái, nên không thể phá hoại sinh thái. Cách tiếp cận sinh thái hoá các vấn đề của xã hội và con người là một trong những nội dung then chốt của tư duy mới.

- Phát triển bền vững, công nghệ khép kín hay trí tuệ quyển chỉ là một trong nhiều sản phẩm của tư duy mới, là những biểu hiện đơn lẻ của nó, mặc dù những nguyên tắc của chúng là một trong những yếu tố cấu thành quan trọng, cơ bản của tư duy mới. Một số các yếu tố, thậm chí sẽ có cả những mô hình lý luận - phương pháp luận đang tồn tại hiện nay sẽ bị loại bỏ. Nguyên tắc đồng tiến hoá sẽ là một trong những nguyên tắc căn bản của tư duy mới, đang được gọi với những tên gọi khác nhau, như tư duy sinh thái quyển, tư duy trí tuệ quyển, tư duy đồng tiến hóa, v.v ...

Quan điểm thứ tư là về bảo vệ và cải thiện sinh thái. Trước đến nay người ta thường nói nhiều đến việc giữ gìn, bảo vệ môi trường. Điều đó đúng nhưng không còn đầy đủ trong thời đại ngày nay. Đặc biệt trong điều kiện môi trường đã và đang tiếp tục bị phá hoại nghiêm trọng trong nhiều thế kỷ với quy mô ngày càng lớn để phát triển kinh tế. Ngay ở các nước phát triển, do sự phát triển mạnh mẽ của khoa học và công nghệ, họ có nhiều phương tiện và điều kiện hơn các nước đang phát triển để giữ gìn, bảo vệ sinh thái. Nhưng việc đầu tư các phương tiện và điều kiện như vậy vẫn còn thấp hơn nhiều so với đòi hỏi, khiến cho thảm họa sinh thái chưa hề thuyên giảm. Tình trạng sinh thái trong các nước đang phát triển lại còn chứa đựng những nguy cơ tiềm ẩn lớn hơn nhiều. Trên quy mô toàn cầu nguy cơ về thảm họa sinh thái chưa hội đủ điều kiện thực tế để có thể giảm bớt, mà trái lại, chiều hướng gia tăng mức độ và quy mô vẫn ngày càng lớn. Để giảm dần nguy cơ khủng hoảng sinh thái vấn đề đặt ra *không chỉ là giữ gìn, bảo vệ mà là cải thiện, làm tốt thêm sinh thái*. Cải thiện sinh thái là một trong những đòi hỏi cấp bách, đó cũng là một trong những nội dung cơ bản của hiện đại hoá xã hội trong thời đại ngày nay. Đây cũng là một trong những nội dung căn bản, là bước phát triển triệt để và nhất quán của quan niệm đồng tiến hóa và trí tuệ quyển.

Dùng mọi phương tiện và điều kiện, dành các nguồn lực cần thiết trong phát triển kinh tế, xã hội cho việc cải thiện sinh thái, tính toán đầy đủ đến việc cải thiện sinh thái trong chiến lược phát triển kinh tế, xã hội của các quốc gia là phương thức có hiệu quả để giảm thiểu nguy cơ sinh thái và để từng bước đi đến giải quyết chúng trong tương lai. Nhưng điều này lại đòi hỏi cộng đồng các quốc gia cũng như các tổ chức quốc tế phải có những chế tài mạnh, đủ hiệu lực để buộc các quốc gia, các chủ thể xã hội phải tuân thủ thực hiện phương thức này. Hiện nay các quốc gia cũng như các tổ chức quốc tế mới chỉ có những quy định, hiệp định, tuyên bố, cam kết,… nhưng lại chưa có được những chế tài có hiệu lực mạnh để giữ gìn và bảo vệ sinh thái, còn những chế tài để cải thiện sinh thái lại càng yếu và thiếu nghiêm trọng. Nước Mỹ không phê chuẩn nghị định thư Kyôtô là một minh chứng điển hình. Các doanh nghiệp, công ty trong

các quốc gia vẫn tìm cách lảng tránh các nghĩa vụ về giữ gìn, bảo vệ và cải thiện sinh thái là những bằng chứng cụ thể.

Quan điểm thứ năm là về tạo dựng văn hoá sinh thái. Sinh thái là toàn bộ những mối quan hệ kỳ diệu mà tất cả các động, thực vật, năng lượng và vật chất ảnh hưởng qua lại đối với nhau tại nơi diễn ra sự sống của chúng. Nếu như văn hoá là toàn bộ thế giới Người, là tất cả những giá trị xã hội do con người tạo nên để phục vụ cho tiến bộ xã hội, thì văn hoá sinh thái là toàn bộ những giá trị văn hoá xã hội được thể hiện trong thái độ đối xử, trong hành vi tác động và cải biến thiên nhiên nhằm tạo ra môi trường sống phù hợp, đáp ứng nhu cầu sống lành mạnh, phát triển và tiến bộ của con người. Giá trị văn hoá sinh thái là toàn bộ những giá trị do loài người sáng tạo và xây dựng nên trong quá trình con người sống, hoạt động và phát triển trong thế giới tự nhiên- trong hệ sinh thái. Để sống và phát triển, con người, một mặt, là một bộ phận của giới tự nhiên, mặt khác lại là một chủ thể mang bản tính đặc trưng con người là luôn phấn đấu vươn tới vị thế làm chúa tể muôn loài, cho nên nó vừa dựa vào thiên nhiên để sống, song lại vừa lợi dụng thiên nhiên, cải tạo ở thiên nhiên những gì có thể cải tạo được để xây dựng cho mình một thiên nhiên của loài người- thiên nhiên văn hoá.

Đây là cách nhìn nhận, hướng tiếp cận mới mang tính chất nhân văn đối với sinh thái trong điều kiện hiện nay. Tiếp cận văn hóa đối với sinh thái có nghĩa là khi giải quyết bất cứ vấn đề nào có liên quan đến môi trường đều phải đứng trên lập trường văn hóa, nhân văn. Xã hội chưa thể được xem là tiến bộ nếu sinh thái chưa được bảo vệ, cải thiện. Khi mà con người và xã hội đang đối xử không văn hóa với sinh thái thì xã hội đó còn thiếu tính nhân văn và nhất định sẽ bị sinh thái ngăn trở sự phát triển tiếp theo, thậm chí bị sinh thái "trả thù". Tính chất văn hóa, nhân văn trong quan hệ với sinh thái là một tiêu chí quan trọng để đánh giá mức độ tiến bộ xã hội.

Nhưng văn hoá sinh thái của con người thể hiện rõ rệt hơn ở ý thức và thái độ của con người trong quá trình lợi dụng và cải biến giới tự nhiên phục vụ cho cuộc sống của mình. Sự hiểu biết về thế giới tự nhiên, về hệ sinh thái với những quy luật tồn tại và vận động của nó mới chỉ thể hiện trình độ nhận thức có tính nền tảng của văn hoá sinh thái. Nắm được thực chất, bản chất của sinh thái để hành động, cải biến sinh thái trên cơ sở nguyên tắc tồn tại và vận hành của sinh thái, đó mới thực sự là biểu hiện đặc thù - đặc điểm chủ động của văn hoá sinh thái. Sự lợi dụng, sự cải biến, cải tạo giới tự nhiên trong khuôn khổ, trong ngưỡng duy trì sự tồn tại và phát triển của thế giới tự nhiên vừa đem lại điều kiện ngày càng tốt hơn cho cuộc sống và sự phát triển xã hội loài người vừa bảo đảm sự ổn định và cân bằng sinh thái trong tính cộng sinh của nó, đó mới thực sự là hành vi thể hiện trình độ văn hoá sinh thái cao.

Văn hóa sinh thái bao gồm nhiều vấn đề. Những vấn đề văn hoá sinh thái là những vấn đề hệ trọng, chúng vừa có tầm bao quát vừa có chiều sâu xã hội rất phức tạp; có những vấn đề dường như nghịch lý và mâu thuẫn luôn đặt ra cho chúng ta suy nghĩ, đối phó và giải quyết. Trong thực trạng hiện nay, một số vấn đề sinh thái lớn và bức xúc đang đặt ra mà từ góc nhìn văn hoá cần tập trung nghiên cứu, đối phó và tìm cách giải quyết, đó là:

Thứ nhất, vấn đề về sự thống nhất thế giới và mục tiêu của sự tồn tại và phát triển của loài người. *Thứ hai*, nghịch lý giữa lịch sử phát triển xã hội loài người với lịch sử tiến hoá sinh thái. *Thứ ba*, sự lựa chọn tối ưu - thực hiện sự đồng tiến hoá giữa con người và sinh thái. Đồng tiến hoá giữa con người và thiên nhiên là quan niệm hợp lý có tính tổng quát và cơ bản của văn hoá sinh thái trong việc giải quyết những mâu thuẫn và nghịch lý của quá trình phát triển xã hội và thiên nhiên. Đây chính là quan điểm về khả năng lựa chọn tổng hợp chứ không chỉ là những dự báo riêng rẽ, cục bộ, tình thế. *Thứ tư,* cùng với nguyên tắc đồng tiến hoá là ý thức và hành vi thực hiện nội cân bằng, bảo đảm sự tự cân bằng bên trong của sinh thái. Nội cân bằng phải được quan niệm như phạm trù trung tâm của văn hoá sinh thái học tổng thể. *Thứ năm,* xã hội tiêu thụ- kinh tế dịch vụ phát triển cũng là một vấn đề văn hoá sinh thái cơ bản. Xã hội càng văn minh thì nhu cầu văn hoá dịch vụ càng nâng cao và đa dạng như là điều kiện phát triển con người. Nhưng mặt trái do văn hoá dịch vụ đem lại cũng vô cùng to lớn và tai hại. Đây là một nghịch lý của văn hoá sinh thái. Toàn cầu hoá làm cho những vấn đề nêu trên không chỉ hạn hẹp trong các nước nghèo mà trở thành vấn đề toàn cầu. Giải quyết mâu thuẫn này cũng là giải quyết vấn đề toàn cầu, trong đó Liên hợp quốc có vai trò đặc biệt - tạo điều kiện nâng cao văn hoá sinh thái cho người dân ở các nước nghèo ngay trong điều kiện kinh tế- xã hội còn thấp bằng mục tiêu trước tiên là nâng cao mức sống và dân trí của con người.

Thứ sáu, đối với những nước nông nghiệp lạc hậu thì vấn đề văn hoá sinh thái lại có những khía cạnh nan giải riêng. Trình độ văn hoá nói chung, văn hoá sinh thái nói riêng của mỗi quốc gia bao giờ cũng phụ thuộc vào trình độ phát triển kinh tế, xã hội. Do đó những vấn đề văn hoá sinh thái phức tạp hay đơn giản cũng do điều kiện sống quy định. Những vấn đề văn hoá sinh thái nêu trên cũng là những vấn đề bức xúc của các nước nông nghiệp nghèo. Những vấn đề nêu trên không thể chỉ giải quyết bằng sự đều chỉnh của hoạt động khoa học, kỹ thuật, công nghệ mà điều quan trọng hơn là vấn đề văn hoá. Trình độ khoa học - kỹ thuật - công nghệ phục vụ nông nghiệp có thể nâng cao chất lượng và hiệu quả kinh tế cây trồng, vật nuôi, môi trường thiên nhiên và môi trường sống của nhân dân. Nhưng xây dựng văn hoá sinh thái là vấn đề khó khăn, vì nó nằm ở tầng cao hơn của lối sống thường ngày; người nông dân chủ yếu chỉ quan tâm đến việc phát triển cây trồng, vật nuôi, tăng năng suất và hiệu quả kinh tế.

Người ta không quan tâm đến việc làm thế nào để vừa có kết quả kinh tế, vừa bảo đảm môi sinh, sinh thái. Lối sống tiểu nông với các phong tục tập quán lạc hậu, thiếu tổ chức kỷ luật sinh thái, tầm nhìn hạn hẹp, chỉ thấy lợi trước mắt, không thấy hại lâu dài cũng là nguyên nhân làm tổn hại sinh thái. Xây dựng văn hoá sinh thái được đặt ra không chỉ cho những nước nông nghiệp nghèo mà cho cả cộng đồng quốc tế.

Những quan điểm trên đây chưa phải là tất cả các quan điểm mới, và đấy cũng chưa phải là tất cả những nội dung của chúng. Nhưng, theo chúng tôi, đấy là những quan điểm cơ bản và là những nội dung chính, có thể tạo nên những thay đổi trong tư duy về vấn đề sinh thái nói chung và bảo vệ môi trường nói riêng. Chúng có ý nghĩa lý luận và thực tiễn đối với công cuộc đổi mới và phát triển đất nước trong những năm đầu của thế kỷ XXI hiện nay[1].

[1] Bài viết này dựa trên một số thành quả của công trình hợp tác nghiên cứu của các nhà khoa học Nga và Việt Nam mà tác giả là một trong hai đồng chủ nhiệm: Hiện đại hoá xã hội và sinh thái.